

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2023

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly
hôn, nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khon Sốc;

2. Bà Ché Thị Hồng Cẩm;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Việt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 30/5/2023 giữa các đương sự:

1. ***N đơn:*** Chị Trương Ngọc Uyên P, sinh năm 1991; nơi cư trú: tổ 09, ấp Tân Lợi, xã Tân Tuyến, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Anh Trần Minh P1, sinh năm 1991; nơi cư trú: tổ 11, ấp Tân Bình, xã Tân Tuyến, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. ***Người làm chứng:***

- Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1952 (vắng mặt);

- Chị Trương Ngọc Mỹ P2, sinh năm 1980 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Tân Lợi, xã Tân Tuyến, huyện Tri Tôn tỉnh An Giang;

- Ông Trần Văn L, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân Đức, xã Tân Tuyến, huyện Tri Tôn tỉnh An Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án chi Trương Ngọc Uyên P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh P1 quen biết nhau do tự tìm hiểu vào năm 2009, đến năm 2010 thì có tổ chức lễ cưới và năm 2011 thì có đăng ký kết hôn số 29/2011, quyền số 01/2011, ngày 22/6/2011 tại UBND xã Tân Tuyến, huyện Tri Tôn. Sau khi tổ chức lễ cưới thì vợ chồng về sống bên nhà chồng tại địa chỉ ấp Tân Bình, xã Tân Tuyến, huyện Tri Tôn. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh P1 quay lén của chị đang tắm nên vợ chồng cự cãi và ngày lễ 02/9/2022 thì khi chị dẫn mẹ đi mổ mắt, thì ở nhà anh P1 nói với cháu “ *Con đến ngủ với dượng út thì dượng út cho cháu một triệu*”. Nên khi chị biết chuyện thì chị không chấp nhận và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Trần Ngọc Thanh N, sinh năm 2012 và Trần Ngọc Quốc D, sinh ngày 06/9/2014. Chị P yêu cầu được nuôi hai con chung, yêu cầu anh P1 cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Tự Thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn anh Trần Minh P1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh P1 thống nhất theo lời trình bày của chị P về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng riêng về nguyên nhân ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì chị P nói anh quay lén nên vợ chồng cự cãi là không có bằng chứng, ngày 02/9/2022 vợ có xin anh đi nuôi mẹ mổ mắt nên anh có đồng ý, nhưng nay vợ nói anh có tình ý xấu với cháu vợ lúc vợ đi là không có bằng chứng chỉ nói về phía vợ anh nên anh không có, hiện vợ chồng đã ly thân từ ngày 20/9/2022 cho đến nay. Nay vợ yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, không muốn cha dượng hoặc mẹ kế bạo hành gia đình nên anh yêu cầu hàn gắn gia đình. Riêng về con chung anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không đồng ý giao hai con cho vợ nuôi, và anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị Minh T cho biết: Vào khoảng năm 2021 khi hai vợ chồng P1 về quê thì anh P1 có ba lần lợi dụng lúc chị ruột của P tắm thì mở cửa nhà tắm để chị Mỹ P2 la lên, và lần cháu Thảo tắm thì cũng bị quay camera từ ngoài cửa sổ. Đến khi P về quê đưa bà đi mổ mắt thì ở trên đó anh P1 rủ cháu Thảo ngủ chung nói cho 1.000.000 đồng. Nên vợ chồng mới cự cãi thì anh P1 có thừa nhận với P là anh có rủ cháu Thảo ngủ còn vấn đề có thừa nhận quay lén lúc tắm không thì bà không biết. Hiện tại hai đứa con chung đang do P nuôi dưỡng tại địa P và P có phụ tiếp gia đình làm nông để có T nhập.

Chị Trương Ngọc Mỹ P2 cho biết: Thống nhất theo nội dung của bà T nhưng lần đầu là quay lip nhà tắm của cháu Thảo nên cháu mới tắt nước thì anh P1 bỏ chạy, sau lần đó cháu Thảo có nói để chị cảnh giác nên các lần sau chị bị mở cửa nhà tắm khi chị đang tắm do cửa nhà tắm chị đã đóng cửa nhưng không bấm nút khóa thì anh P1 vẫn mở cửa nhìn đến khi la lên thì anh P1 vẫn chưa đóng cửa liền mà một lúc sau mới đóng cửa lại và lần tiếp nữa là đặt camera ở túi quần sau treo trong nhà tắm nên chị có nói lại với vợ anh P1 nhưng anh P1 cho rằng do điện thoại bị cắn nút. Đến lần em P về đưa mẹ đi mổ mắt thì cháu Thảo mới điện thoại về cho chị biết là anh P1 đòi ngủ với cháu Thảo sẽ cho 1.000.000 đồng thì lúc này chị mới nói các sự việc cho em P biết nên khi bị hỏi lúc đầu anh P1 không thừa nhận, hỏi sau anh P1 mới thừa nhận có mặt mẹ chị nghe là có thừa nhận có nói với cháu Thảo, còn chuyện anh P1 có thừa nhận quay lip không thì chị không biết khi vợ chồng cự cãi.

Ông Trần Văn L cho biết: Ông là anh ruột của P1, trước đây vợ chồng P1 có sống gần nhà trọ ông cách chỗ ông ở khoảng một cây số ở Bình Dương nên thời điểm đó ông không biết vợ chồng có mâu Tẫn không nhưng vẫn thấy vợ chồng còn sống chung với nhau ở nhà trọ. Đến khoảng tháng 02 năm 2023 thì ông biết chị P về quê để trở bà T đi mổ mắt nhưng khi mổ mắt xong thời điểm nào thì ông không biết, chỉ thấy chị P ở dưới quê từ đó cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành

Tại phiên tòa N đơn vẫn giữ N yêu cầu, hiện tại chị sống bằng nghề bán trái cây nên có T nhập ổn định, đang sống chung với mẹ và nuôi hai con. Còn người làm chứng chị Mỹ P2 vẫn giữ N ý kiến theo biên bản lấy lời khai nên không có ý kiến gì về vấn đề ly hôn của em P.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân, nơi cư trú của anh P1 và biên bản lấy lời khai của những người làm chứng.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn, người làm chứng đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai nên nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của N đơn có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Trương Ngọc Uyên P khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Minh P1 có địa chỉ tại tổ 11, ấp Tân Bình, xã Tân Tuyền, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên Tộc tranh chấp ly hôn và Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn và người làm chứng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông P1, ông L và bà T. Tuy nhiên ông L, bà T có lời khai cho Tòa án và bà T có gửi đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét đề nghị của bà T phù hợp pháp luật và đây là lần vắng mặt thứ hai của ông P1 và ông L nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

Về hôn nhân: Chị P và anh P1 thống nhất vào năm 2009 chúng tôi quen biết nhau do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn số 29/2011, quyển số 01/2011, ngày 22/6/2011 tại UBND xã Tân Tuyền, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo chị P cho rằng mâu Tẫn vợ chồng chủ yếu là do việc chồng quay lip lúc chị của chị đang tắm và ngày lễ 02/9/2022 khi chị dẫn mẹ ruột đi mổ mắt, thì ở nhà anh P1 nói với cháu “ *Con đến ngủ với dượng út thì dượng út cho cháu một triệu*”. Còn theo anh P1 cho rằng chị P nói không có bằng chứng anh quay lip nên vợ chồng có cự cãi, anh P1 thừa nhận ngày 02/9/2022 vợ có đưa mẹ đi mổ mắt nên anh đồng ý cho vợ đi nhưng nay vợ nói anh có tình ý xấu với cháu vợ lúc vợ đi nhưng vợ không có bằng chứng chỉ nói về phía vợ anh nên anh không thừa nhận sự việc, anh chỉ thống nhất là vợ chồng có ly thân từ ngày 20/9/2022 cho đến nay, nay vợ yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

Qua biên bản xác minh tại công an xã Tân Tuyền cho biết: Anh Trần Minh P1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tân Bình, xã Tân Tuyền huyện Tri Tôn nhưng hiện tại anh P1 đang ở số 1/435, khu phố Hòa Lân 2, phường Tân Giao, thành phố Tân An, tỉnh Bình Dương nên hiện tại anh P1 không có mặt tại địa P chỉ có chị P hiện đang ở địa P.

Biên bản xác minh tại ấp Tân Lợi, xã Tân Tuyên địa P cho biết: Vợ chồng P sau khi cưới thì về bên nhà vợ sinh sống được thời gian đầu, sau đó nghe vợ chồng có mâu Tẩn nên vợ chồng mới lên thành phố đi làm sinh sống trên đó, nên việc vợ chồng P và P1 có mâu Tẩn như thế nào thì địa P không biết do không nghe trình báo, đồng thời nhà của P ở ngoài bờ kênh xung quanh không có nhà ai gần đó nên việc mâu Tẩn vợ chồng không ai biết được. Chỉ biết hiện tại chị P đang sinh sống tại địa P.

Biên bản xác minh tại ấp Tân Bình xã Tân Tuyên địa P cho biết: Ông P1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa P, còn việc vợ chồng có mâu Tẩn không thì địa P không biết do không có nghe trình báo.

Biên bản lấy lời khai của bà T, chị Mỹ P2 và ông L đều thống nhất là có sự việc chị P đưa mẹ đi mổ mắt nên chị P có trở về quê và ở cho đến nay là phù hợp. Đồng thời anh P1 cũng thừa nhận có cho vợ đưa mẹ đi mổ mắt nên việc cháu Thảo còn ở lại nhà trọ với anh P1 là sự thật. Ngoài ra, cả lời khai bà T, chị Mỹ P2 và chị P đều xác định việc anh P1 có quay líp, lúc chị Mỹ P2 tắm và mở cửa nhà tắm nhìn chị Mỹ P2 đều do anh P1 làm, kể cả lần cháu Thảo tắm thì anh P1 cầm điện thoại vào khung cửa sổ để quay líp lại và đến khi cháu Thảo lên Sài Gòn đi làm thì anh P1 lại nói với cháu Thảo rủ đi ngủ thì cho 1.000.000 đồng nên việc quay líp và rủ cháu đi ngủ đều được chính chị P, người bị hại chị Mỹ P2, người làm chứng bà T đều thừa nhận có hành vi xảy ra, mặc dù anh P1 cho rằng không có chứng cứ, nhưng đây là N nhân chứng tỏ vợ chồng có mâu Tẩn dẫn đến vợ chồng cự cãi với nhau trong cuộc sống. Điều này thể hiện vợ chồng có mâu Tẩn từ những hành vi của anh P1 gây ra nên cuộc sống hôn nhân vợ chồng không còn hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay anh P1 cũng không có mặt tham gia phiên tòa, thể hiện tình cảm của anh P1 cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm gia đình.

Do vợ chồng phải có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc. Nhưng trong thời gian chung sống anh P1 và chị P có cự cãi với nhau trong hôn nhân do hành vi của anh P1 gây ra vi phạm Tẩn phong mỹ của người Việt nam, làm cho vợ chồng không còn tin tưởng, yêu thương lẫn nhau. Đồng thời trong thời gian ly thân từ tháng 9/2022 đến nay, thời gian cũng đủ dài để cả hai bên cùng nhau hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng đến nay vợ chồng vẫn còn ly thân.

Như vậy, xét thấy tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét, cho chị P ly hôn với anh P1 là phù hợp với quy định của Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trương Ngọc Uyên P và anh Trần Minh P1 đồng thống nhất có hai con chung tên Trần Ngọc Thanh N, sinh năm 2012 và Trần Ngọc Quốc D, sinh ngày 06/9/2014. Chị P yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng anh P1 thì yêu cầu anh được nuôi hai đứa con chung và anh không yêu cầu cấp dưỡng.

Nhận thấy, hiện tại cháu N và cháu D đều đang do chị P trực tiếp nuôi dạy và chị P có nghề nghiệp buôn bán nên có T nhập đảm bảo cho việc nuôi dạy, chăm sóc ổn định. Đồng thời tại biên bản lời khai ngày 17/02/2023 tại Tòa án cháu N và cháu D đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Từ đó để đảm bảo cho môi trường sống của cháu N và cháu D được ổn định thì giao hai cháu cho chị P tiếp tục nuôi dạy là phù hợp,

Căn cứ Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về mức cấp dưỡng, P thức cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng: Do chị P là người trực tiếp nuôi con nên chị P có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng theo mức quy định của pháp luật quy định nên anh P1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu N và cháu D theo mức quy định của pháp luật theo khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định hiện nay là 1.490.000đ/tháng thì mức cấp dưỡng mỗi tháng 50% mức lương cơ bản là 745.000 đồng/tháng. Buộc anh P1 có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 745.000 đồng x 2 đứa = 1.490.000/tháng để chị P nuôi hai đứa con chung. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu Trần Ngọc Thanh N và cháu Trần Ngọc Quốc D thành niên và có khả năng lao động (*Mức cấp dưỡng sẽ thay đổi theo mức lương tối thiểu do pháp luật Nhà nước quy định*).

[4] *tài sản chung*: Chị P và anh P1 đồng thống nhất tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị P và anh P1 đồng thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị P khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch. Anh P1 không phải chịu án phí hôn nhân.

Anh P1 phải chịu án phí dân sự theo mức án phí không có giá ngạch về mức cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ cầu khởi kiện của chị Trương Ngọc Uyên P.

Về hôn nhân: Chị Trương Ngọc Uyên P được ly hôn với anh Trần Minh P1

Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2011, quyển số 01/2011, ngày 22/6/2011 tại UBND xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Trương Ngọc Uyên P được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Ngọc Thanh N, sinh năm 2012 và Trần Ngọc Quốc D, sinh ngày 06/9/2014. Anh P1 có trách nhiệm cấp dưỡng cho chị P nuôi dạy cháu N và cháu D mỗi tháng 1.490.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. *(Mức cấp dưỡng sẽ thay đổi theo mức lương tối thiểu do pháp luật Nhà nước quy định).*

Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Chị Trương Ngọc Uyên P phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009842 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Anh Trần Minh P1 không phải chịu án phí hôn nhân.

Anh P1 phải chịu án phí dân sự theo mức án phí không có giá ngạch về mức cấp dưỡng là 300.000 đồng

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền